

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chưa hợp nhất

Quý 03/2015

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	703,389,165,354	707,907,864,450	1,812,586,359,344	1,911,664,565,112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,967,139,262	2,124,111,505	11,271,271,594	5,703,714,374
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		701,422,026,092	705,783,752,945	1,801,315,087,750	1,905,960,850,738
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	593,384,977,752	600,717,947,399	1,556,149,574,956	1,639,049,867,254
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		108,037,048,340	105,065,805,546	245,165,512,794	266,910,983,484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8,672,576,385	2,963,944,712	30,309,069,670	20,854,029,439
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	34,722,867,551	15,987,836,972	88,266,957,909	56,159,140,865
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		21,079,460,059	14,020,241,979	57,152,042,806	45,572,669,517
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	41,087,561,684	39,494,484,154	101,050,612,590	108,162,506,320
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19,632,481,416	32,417,262,462	47,560,509,966	74,771,104,652
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		21,266,714,074	20,130,166,670	38,596,501,999	48,672,261,086
11. Thu nhập khác	31	VI.8	978,939,256	5,447,206,228	8,268,801,106	8,627,422,530
12. Chi phí khác	32	VI.9	11,475,986,326	388,162,988	12,864,485,344	1,139,987,935
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(10,497,047,070)	5,059,043,240	(4,595,684,238)	7,487,434,595
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10,769,667,004	25,189,209,910	34,000,817,761	56,159,695,681
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	3,524,271,581		6,474,308,728	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		7,245,395,423	25,189,209,910	27,526,509,033	56,159,695,681
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu


Huỳnh Thị Kim Choa

Kế toán trưởng


Huỳnh Thị Kim Choa

Ngày 14 tháng 4 năm 2015

P.Tổng giám đốc



Nguyễn Duy Nhật

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 30 tháng 09 năm 2015
Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,766,681,973,195	1,865,500,421,772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,254,167,677	5,981,177,965
1. Tiền	111		6,254,167,677	5,981,177,965
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		484,305,063,709	681,472,010,138
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	295,062,260,773	430,760,496,927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	91,896,597,044	96,151,271,641
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	62,612,005,000	67,821,062,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	63,201,813,292	176,396,377,557
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(28,467,612,400)	(89,670,809,551)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	13,611,564
IV. Hàng tồn kho	140		1,235,577,922,503	1,144,937,348,603
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,236,315,809,380	1,146,119,358,625
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(737,886,877)	(1,182,010,022)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40,544,819,306	33,109,885,066
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6,939,796,966	5,782,508,084
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33,605,022,340	27,327,376,982
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,471,819,305,958	1,337,761,248,271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12,026,304,456	7,028,848,533
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	12,026,304,456	7,028,848,533
II. Tài sản cố định	220		433,793,288,476	339,842,622,199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	139,845,495,169	157,538,070,584
- Nguyên giá	222		413,537,833,428	406,020,454,270
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(273,692,338,259)	(248,482,383,686)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	79,981,424,785	66,153,699,095
- Nguyên giá	225		110,497,374,688	86,357,777,829
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(30,515,949,903)	(20,204,078,734)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	213,966,368,522	116,150,852,520
- Nguyên giá	228		215,658,800,425	117,035,759,775
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,692,431,903)	(884,907,255)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		122,693,980,188	164,723,102,303
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	122,693,980,188	164,723,102,303
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		853,704,672,423	764,055,784,867
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	39,499,104,000	39,499,104,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	617,450,000,000	517,355,000,000

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	215.325,000,000	221.023,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.13	(18,569,431,577)	(13,821,319,133)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		49,601,060,415	62,110,890,369
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	49,601,060,415	62,110,890,369
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,238,501,279,153	3,203,261,670,043
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,963,705,141,493	1,896,947,316,416
I. Nợ ngắn hạn	310		1,685,632,712,604	1,791,647,007,129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	214,701,745,534	352.107,800,833
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	36,601,763,704	22,954,686,375
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7,274,441,999	1,206,600,207
4. Phải trả người lao động	314	V.17	14,310,969,157	24,001,821,259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	11,724,528,292	7,275,010,906
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	60,251,779,402	31,923,500,608
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1,339,531,134,936	1,350,935,564,358
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1,236,349,580	1,242,022,583
II. Nợ dài hạn	330		278,072,428,889	105,300,309,287
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	278,072,428,889	105,300,309,287
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,274,796,137,660	1,306,314,353,627
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,274,796,137,660	1,306,314,353,627
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	611,965,459,100	611,965,459,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.22	(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	30,248,308,408	61,766,524,375
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,721,799,375	61,766,524,375
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27,526,509,033	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,238,501,279,153	3,203,261,670,043

Long Xuyên, ngày 12 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám Đốc

Huỳnh Thị Kim Choa

Huỳnh Thị Kim Choa



Nguyễn Duy Nhật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)

Quý 03/2015

(Chưa hợp nhất)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,913,651,895,330	2,068,760,241,774
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,300,020,206,070)	(1,559,444,172,507)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(116,249,491,130)	(114,516,339,915)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(44,240,477,333)	(46,834,838,179)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,346,171,386,372	1,349,799,616,339
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,114,585,700,471)	(1,107,023,664,785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		684,727,406,698	590,740,842,727
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		-	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		-	-
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(108,000,000)	(33,394,000,000)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6,238,560,000	6,125,524,880
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(46,088,000,000)	(126,613,000,000)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5,697,120,000	18,837,423,426
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,302,000,000	11,720,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31,958,320,000)	(123,324,051,694)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9,999,560,000
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32		-	-
1 Tiền thu từ đi vay	33		2,635,240,779,539	2,896,783,132,010
2 Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,248,797,254,624)	(3,295,394,333,010)
3 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(16,114,714,588)	(7,599,304,755)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24,241,644,325)	(23,040,609,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(653,912,833,998)	(419,251,555,055)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1,143,747,300)	48,165,235,978
Liên và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,981,177,965	57,163,377,789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,416,737,012	35,799,950
Liên và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		6,254,167,677	105,364,413,717

Ngày 12 tháng 4 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám Đốc


Huỳnh Chi Kim Choa


Huỳnh Chi Kim Choa


CÔNG TY
CP
NAM VIỆT
TP. LONG XUYÊN, AN GIANG

Nguyễn Duy Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Chưa hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	91%	91%	91%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất	40,5%	40,5%	40,5%
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.	Chế biến và bảo quản rau quả.	44,44%	44,44%	44,44%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, Công ty liên kết được trích lập khi công ty con, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, Công ty liên kết. Nếu công ty con, Công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, Công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của năm/kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	640.819.800	223.018.115
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.613.347.877	5.758.159.850
Các khoản tương đương tiền(*)	-	-
Cộng	<u>6.254.167.677</u>	<u>5.981.177.965</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>6.963.621.609</i>	<i>46.265.135.997</i>
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	6.735.729.372	45.491.835.997
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh Ông Đoàn Chí Thanh	227.892.237	-
	-	773.300.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>288.098.639.164</i>	<i>384.495.360.930</i>
Các khách hàng nước ngoài	281.929.559.035	381.535.667.768
Các khách hàng trong nước	6.169.080.129	2.959.693.162
Cộng	<u>295.062.260.773</u>	<u>430.760.496.927</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.685.767.000	-
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	77.199.978.500	84.224.394.800
Các nhà cung cấp trong nước khác	12.010.851.544	11.926.876.841
Cộng	<u>91.896.597.044</u>	<u>96.151.271.641</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>61.098.005.000</i>	<i>67.318.565.000</i>
Cho Công ty TNHH thủy sản Biển Đông vay với lãi suất 0%/năm	61.098.005.000	67.318.565.000
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>	<i>1.514.000.000</i>	<i>502.497.000</i>
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay với lãi suất 12%/năm	950.000.000	-
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang vay với lãi suất 0%/năm	500.000.000	500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	64.000.000	2.497.000
Cộng	<u>62.612.005.000</u>	<u>67.821.062.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	128.946.845	-	1.179.665.573	-
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương - Phải thu tiền hàng do khách hàng chuyển nhầm	-	-	951.051.552	-
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông - Cho mượn	-	-	6.715.491	-
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh - Phải thu tiền bán vật tư	1.297.630	-	-	-
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh - Phải thu chi hộ	77.858.861	-	-	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Cho mượn vật tư	2.020.354	-	8.208.530	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Tạm ứng	5.000.000	-	-	-
Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng	42.770.000	-	213.690.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	63.072.866.447	(225.122.348)	175.216.711.984	(856.076.393)
Tạm ứng	4.208.965.840	-	8.235.976.499	-
Tiền lãi cho vay	393.069.167	(225.122.348)	1.554.053.007	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược (*)	55.799.848.645	-	153.614.979.360	-
Ký quỹ cho hãng tàu để nhập hàng bị trả lại về	1.111.570.663	-	-	-
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	-	111.968.608	-
Ông Đỗ Thanh Xuân - Tiền cho mượn	742.305	-	9.689.536.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.558.669.827	-	2.010.198.010	(856.076.393)
Cộng	63.201.813.292	(225.122.348)	176.396.377.557	(856.076.393)

(*) Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 55.799.848.645 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang (số đầu năm là 153.614.979.360 VND).

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	961.605.000	673.123.500	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	6.351.488.750	4.446.042.125
<i>Phải thu khác</i>	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	-	-	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	500.000.000	350.000.000
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.068.450.000	534.225.000	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	25.940.235.006	12.970.117.503
<i>Phải thu khác</i>	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	31.875.000	15.937.500	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	706.461.187	353.230.593
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	32.742.143.068	9.822.642.920	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	4.581.969.804	1.374.590.942
<i>Phải thu khác</i>	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	513.121.212	153.936.364	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	181.767.504	54.530.251
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	4.099.810.804	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	68.840.237.699	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	250.472.600	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	2.117.161.015	-
Cộng		39.667.477.684	11.199.865.284		109.219.320.965	19.548.511.414

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	(89.670.809.551)
Trích lập dự phòng bổ sung	(9.774.201.563)
Xóa nợ	70.977.398.714
Số cuối kỳ	(28.467.612.400)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường		-	107.909.512.703	
Nguyên liệu, vật liệu	80.600.380.330		79.778.476.063	
Công cụ, dụng cụ	2.891.080.449		2.472.831.100	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	574.253.337.996		565.581.035.975	
Thành phẩm	566.446.535.718	(737.886.877)	365.611.590.753	(1.182.010.022)
Hàng hóa	194.103.548		194.103.548	
Hàng gửi đi bán	11.930.371.339		24.571.808.483	
Cộng	1.236.315.809.380	(737.886.877)	1.146.119.358.625	(1.182.010.022)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(1.182.010.022)
Hoàn nhập dự phòng	444.123.145
Số cuối kỳ	(737.886.877)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	5.238.481.333	760.824.167
Công cụ dụng cụ	1.402.726.918	5.000.250.585
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	298.588.715	21.433.332
Cộng	6.939.796.966	5.782.508.084

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	33.655.702.047	36.801.641.147
Công cụ dụng cụ	12.614.870.800	22.394.234.029
Chi phí sửa chữa	1.694.743.416	2.515.000.157
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.635.744.152	400.015.036
Cộng	49.601.060.415	62.110.890.369

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	137.026.943.745	241.970.162.591	19.512.796.323	7.510.551.611	406.020.454.270
Mua trong kỳ	42.829.732	3.880.665.091	-	-	3.923.494.823
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.972.768.590	200.000.000	-	-	4.172.768.590
Thanh lý, nhượng bán	(224.416.108)	-	(217.950.000)	-	(442.366.108)
Giảm khác	(77.117.423)	(59.400.724)	-	-	(136.518.147)
Số cuối kỳ	140.741.008.536	245.991.426.958	19.294.846.323	7.510.551.611	413.537.833.428

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.433.910.611	114.629.398.695	12.267.474.802	5.836.427.338	158.167.211.446
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	77.560.877.473	150.108.177.482	14.413.473.882	6.399.854.849	248.482.383.686
Khấu hao trong kỳ	5.946.498.759	18.462.456.863	872.338.320	382.694.747	25.663.988.689
Thanh lý, nhượng bán	(224.416.108)	-	(217.950.000)	-	(442.366.108)
Giảm khác		(11.668.008)			(11.668.008)
Số cuối kỳ	83.282.960.124	168.558.966.337	15.067.862.202	6.782.549.596	273.692.338.259
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.466.066.272	91.861.985.109	5.099.322.441	1.110.696.762	157.538.070.584
Số cuối kỳ	57.458.048.412	77.432.460.621	4.226.984.121	728.002.015	139.845.495.169
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng		574.035.000			574.035.000
Đang chờ thanh lý					

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	82.631.825.829	3.725.952.000	86.357.777.829
Thuê tài chính trong kỳ	22.459.596.859	1.680.000.000	24.139.596.859
Số cuối kỳ	105.091.422.688	5.405.952.000	110.497.374.688
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	19.821.226.943	382.851.791	20.204.078.734
Khấu hao trong kỳ	9.659.460.506	652.410.663	10.311.871.169
Số cuối kỳ	29.480.687.449	1.035.262.454	30.515.949.903
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	62.810.598.886	3.343.100.209	66.153.699.095
Số cuối kỳ	75.610.735.239	4.370.689.546	79.981.424.785

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	116.673.761.675	361.998.100	117.035.759.775
Tăng do nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	98.623.040.650	-	98.623.040.650
Số cuối kỳ	215.296.802.325	361.998.100	215.658.800.425

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	128.058.100	128.058.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	569.697.155	315.210.100	884.907.255
Khấu hao trong kỳ	772.433.648	35.091.000	807.524.648
Số cuối kỳ	1.342.130.803	350.301.100	1.692.431.903
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	116.104.064.520	46.788.000	116.150.852.520
Số cuối kỳ	213.954.671.522	11.697.000	213.966.368.522
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 70.220.657.964 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong.

Ngoài ra, Công ty còn dùng Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang có giá trị còn lại theo sổ sách là 38.018.688.862 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển - Chi nhánh Bắc An Giang của Công ty TNHH một thành viên An Độ Dương.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	164.723.102.303	80.754.800.674	(102.795.809.240)	(20.331.676.003)	122.350.417.734
<i>Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất</i>	<i>127.589.266.127</i>	<i>76.560.529.108</i>	<i>(98.623.040.650)</i>	<i>(9.358.472.055)</i>	<i>96.168.282.530</i>
<i>Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản</i>	<i>30.796.605.859</i>	<i>1.829.240.165</i>	<i>(312.152.807)</i>	<i>(10.968.590.309)</i>	<i>21.345.102.908</i>
<i>Nhà máy chế biến thức ăn</i>	<i>6.337.230.317</i>	<i>2.365.031.401</i>	<i>(3.860.615.783)</i>	<i>(4.613.639)</i>	<i>4.837.032.296</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	343.562.454	-	-	343.562.454
Cộng	164.723.102.303	81.098.363.128	(102.795.809.240)	(20.331.676.003)	122.693.980.188

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư tài chính

13a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	39.499.104.000	(148.510.822)	39.350.593.178	39.499.104.000	(686.482.829)	38.812.621.171
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông ⁽ⁱⁱ⁾	3.499.104.000	(148.510.822)	3.350.593.178	3.499.104.000	(686.482.829)	2.812.621.171
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	617.450.000.000	4.313.976.657	613.136.023.343	517.355.000.000	-	517.355.000.000
Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem ⁽ⁱⁱⁱ⁾	612.900.000.000	4.313.976.657	608.586.023.343	517.355.000.000	-	517.355.000.000
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh ^(iv)	4.550.000.000	-	4.550.000.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	215.325.000.000	(14.106.944.098)	201.218.055.902	221.023.000.000	(13.134.836.304)	207.888.163.696
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	135.000.000.000	-	135.000.000.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không	43.200.000.000	-	43.200.000.000	43.200.000.000	-	43.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt ^(v)	5.821.000.000	-	5.821.000.000	11.519.000.000	-	11.519.000.000
Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(3.106.944.098)	17.197.055.902	20.304.000.000	(2.134.836.304)	18.169.163.696
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-
Cộng	872.274.104.000	(18.569.431.577)	853.704.672.423	777.877.104.000	(13.821.319.133)	764.055.784.867

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 521022000154 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 05 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH thủy sản Biển Đông là 4.824.000.000 VND, tương đương 90,91% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 607.500.000.000 VND, tương đương 40,5% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 95.545.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 60.750.000 cổ phiếu, tương đương 40,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem (số đầu năm là 51.195.500 cổ phiếu, tương đương 34,13%). Công ty đã thể

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chấp toàn bộ chứng chỉ góp vốn này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang nhằm đảm bảo cho khoản vay trung hạn.

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh 12.000.0000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư 4.550.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 4.550.000.000 VND, tương đương 17% vốn điều lệ (số đầu năm là 0 VND, tương đương 0% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh là 7.450.0000.000 VND.
- (v) Trong kỳ Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt hoàn trả một phần vốn góp cho các thành viên theo Thông báo số 18/2015/CV-VCAM ngày 02 tháng 2 năm 2015, do thu nhỏ quy mô.

Tình hình hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem đã kết thúc giai đoạn chạy thử vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	(13.821.319.133)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.748.112.444)
Số cuối kỳ	(18.569.431.577)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	171.174.552.803	198.189.647.545
Bán nguyên vật liệu	40.745.549	18.174.941
Chi phí gia công	220.415.555.871	204.077.272.211
Mua thành phẩm đông lạnh	89.632.000	5.313.299.924
Mua/ trả nguyên liệu	29.850.235	2.148.750
Mua công cụ, dụng cụ	67.020.074	165.646.852
Mua tài sản cố định		123.303.670
Chia cổ tức		10.000.000.000
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông		
Cho vay	18.000.000	30.676.000.000
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh		
Bán nguyên liệu, vật tư	243.170.917	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>30.117.648.662</i>	<i>1.944.042.214</i>
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	30.036.667.058	1.930.998.114
Công ty TNHH Đại Tây Dương	80.981.604	13.044.100
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>184.584.096.872</i>	<i>350.163.758.619</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	133.121.440	166.378.929.721
Các nhà cung cấp trong nước	184.450.975.432	183.784.828.898
Cộng	<u>214.701.745.534</u>	<u>352.107.800.833</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng nước ngoài	32.668.358.523	20.363.376.535
Các khách hàng trong nước	3.933.405.181	2.591.309.840
Cộng	<u>36.601.763.704</u>	<u>22.954.686.375</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.990.881.610	(6.990.881.610)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	23.060.363	546.754.260	(569.814.623)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.474.308.728	-	6.474.308.728
Thuế thu nhập cá nhân	1.183.539.844	2.434.511.063	(2.817.917.636)	800.133.271
Thuế tài nguyên	-	27.942.750	(27.942.750)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	<u>1.206.600.207</u>	<u>16.478.398.411</u>	<u>(10.410.556.619)</u>	<u>7.274.441.999</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu, trong đó:
 - + Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân Không chịu thuế
 - + Công ty mua ngoài bán tổ chức Không kê khai
 - + Công ty mua ngoài bán cá nhân 5%
- Sản phẩm dịch vụ khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 3-2015</u>	<u>Quý 3-2014</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.769.667.004	25.189.209.910
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.879.012.723	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	22.648.679.727	25.189.209.910
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(25.189.209.910)
Thu nhập tính thuế	22.648.679.727	-
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	20.834.827.988	-
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	1.813.851.739	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.524.271.581	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	-	1.162.165.015
Chi phí cước tàu	7.560.607.640	1.015.452.125
Chi phí hoa hồng môi giới	1.638.784.675	4.654.323.766
Chi phí kiểm nghiệm	-	328.070.000
Chi phí hội chợ	-	115.000.000
Chi phí nhập hàng	2.034.808.597	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	490.327.380	-
Cộng	<u>11.724.528.292</u>	<u>7.275.010.906</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	56.924.659.029	24.996.243.007
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	41.694.780.213	17.379.589.474
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	15.224.376.600	7.612.188.300
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương - Phải trả khác	-	4.070.095
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải trả khác	5.502.216	395.138
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.327.120.373	6.927.257.601
Tài sản thừa chờ giải quyết	339.493.517	1.243.000
Bảo hiểm xã hội	-	1.179.678.753
Bảo hiểm y tế	-	211.623.426
Bảo hiểm thất nghiệp	-	93.774.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	649.969.908	296.105.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.453.901.400	1.403.486.100
Công nợ hàng hóa tạm nhập	-	2.389.605.885
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	883.755.548	1.351.741.397
Cộng	<u>60.251.779.402</u>	<u>31.923.500.608</u>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	245.540.381.384	245.540.381.384	197.691.022.384	197.691.022.384
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương ^(a)	92.352.022.384	92.352.022.384	88.171.022.384	88.171.022.384
Vay Công ty TNHH Thanh Thiên	-	-	7.100.000.000	7.100.000.000
Vay Ông Doãn Tới ^(b)	27.188.359.000	27.188.359.000	2.420.000.000	2.420.000.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(c)	126.000.000.000	126.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.093.990.753.552	1.093.990.753.552	1.153.244.541.974	1.153.244.541.974
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.050.713.195.297	1.050.713.195.297	1.133.777.053.945	1.133.777.053.945
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang ^(d)	441.707.236.047	441.707.236.047	331.561.602.080	331.561.602.080
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	-	-	85.369.000.000	85.369.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(e)	29.992.481.087	29.992.481.087	16.770.000.000	16.770.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	-	104.600.000.000	104.600.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(f)	99.147.050.000	99.147.050.000	175.033.479.000	175.033.479.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang ^(g)	132.043.488.812	132.043.488.812	24.611.942.558	24.611.942.558
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(h)	290.935.697.634	290.935.697.634	273.143.278.723	273.143.278.723
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ⁽ⁱ⁾	14.756.297.500	14.756.297.500	122.687.751.584	122.687.751.584
Ngân hàng UOB – CN HCM ^(j)	42.130.944.217	42.130.944.217	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	19.277.558.255	19.277.558.255	19.467.488.029	19.467.488.029
Cộng	1.339.531.134.936	1.339.531.134.936	1.350.935.564.358	1.350.935.564.358

^(a) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay 0%, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Đoàn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (c) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị.
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem, quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11) và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.6a).
- (h) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (i) Khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 137.415 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 161.163 cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE và các chứng khoán thuộc sở hữu của cá nhân có liên quan bao gồm 1.627.819 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a).
- (j) Vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng UOB – CN TPHCM để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.133.777.053.945	3.386.287.521.918	-	4.029.717.412	(3.476.381.097.978)	1.047.713.195.297
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	95.271.022.384	12.615.000.000	-	-	(15.534.000.000)	92.352.022.384

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các cá nhân	102.420.000.000	135.276.700.000	-	-	(84.508.341.000)	153.188.359.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	36.000.000.000	-	(9.000.000.000)	27.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	19.467.488.029	4.835.687.631	12.882.182.220	80.852.551	(17.988.652.176)	19.277.558.255
Cộng	1.350.935.564.358	3.539.014.909.549	48.882.182.220	4.110.569.963	(3.603.412.091.154)	1.339.531.134.936

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>82.141.578.844</i>	<i>82.141.578.844</i>	<i>82.141.578.844</i>	<i>82.141.578.844</i>
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	82.141.578.844	82.141.578.844	82.141.578.844	82.141.578.844
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>195.930.850.045</i>	<i>195.930.850.045</i>	<i>23.158.730.443</i>	<i>23.158.730.443</i>
Vay dài hạn ngân hàng	171.000.000.000	171.000.000.000	-	-
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang ^(b)	132.000.000.000	132.000.000.000	-	-
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(c)	39.000.000.000	39.000.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính	24.930.850.045	24.930.850.045	23.158.730.443	23.158.730.443
Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị	10.442.717.619	10.442.717.619	18.735.627.278	18.735.627.278
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị	1.561.623.874	1.561.623.874	2.262.196.563	2.262.196.563
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	12.926.508.552	12.926.508.552	2.160.906.602	2.160.906.602
Cộng	278.072.428.889	278.072.428.889	105.300.309.287	105.300.309.287

(a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 36 tháng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định nhà máy, máy móc thiết bị, vùng nuôi với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp tại Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem (xem thuyết minh số V.13a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu với thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chính tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	198.000.000.000	27.000.000.000	171.000.000.000	
Vay dài hạn các cá nhân	82.141.578.844	-	82.141.578.844	-
Nợ thuê tài chính	44.208.408.300	19.277.558.255	24.930.850.045	-
Cộng	324.349.987.144	46.277.558.255	278.072.428.889	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	82.141.578.844	-	82.141.578.844	-
Nợ thuê tài chính	42.626.218.472	19.467.488.029	23.158.730.443	-
Cộng	124.767.797.316	19.467.488.029	105.300.309.287	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	219.000.000.000	-	(12.000.000.000)	(36.000.000.000)	171.000.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	82.141.578.844	-	-	-	-	82.141.578.844
Nợ thuê tài chính	23.158.730.443	21.533.693.491	219.656.793	(7.099.048.462)	(12.882.182.220)	24.930.850.045
Cộng	105.300.309.287	240.533.693.491	219.656.793	(19.099.048.462)	(48.882.182.220)	278.072.428.889

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	135.808.712	-	(3.577.552)	132.231.160
Quỹ phúc lợi	1.106.213.871	95.668.349	(97.763.800)	1.104.118.420
Cộng	1.242.022.583	95.668.349	(80.341.352)	1.236.349.580

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	176.552.500.000	176.552.500.000
Cộng	656.052.500.000	656.052.500.000

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 41/2015/NQ.ĐHĐCD ngày 30 tháng 5 năm 2015 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 59.044.725.000 VND

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**23a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	209.804,71	223.303,10
Euro (EUR)	2.475,50	2.489,11

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	7.606.056,56	143.569.199.745	4.293.825,76	74.732.739.846
Khách hàng trong nước	-	20.650.574.544	-	18.991.995.271
Cộng		162.219.774.289		93.724.735.117

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	701.878.787.878	705.576.823.020
Doanh thu bán nguyên liệu	968.596.010	1.403.640.678
Doanh thu khác	541.781.466	927.400.752
Cộng	<u>703.389.165.354</u>	<u>707.907.864.450</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Hàng bán bị trả lại	900.562.950	2.026.027.646
Giảm giá hàng bán	1.066.576.312	98.083.859
Cộng	<u>1.967.139.262</u>	<u>2.124.111.505</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	590.277.943.471	598.773.621.896
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	944.806.505	1.403.640.683
Giá vốn khác	2.162.227.776	540.684.820
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>593.384.977.752</u>	<u>600.717.947.399</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn	716.143.644	24.021.719
Lãi tiền cho vay	1.600.667	(108.633.900)
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.954.832.074	3.048.556.893
Cộng	<u>8.672.576.385</u>	<u>2.963.944.712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Chi phí lãi vay	20.557.537.817	13.996.822.254
Lãi mua hàng trả chậm	897.177.122	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.954.175.955	1.967.594.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Dự phòng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.313.976.657	-
Cộng	<u>34.722.867.551</u>	<u>15.987.836.972</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	1.514.879.011	745.489.003
Chi phí vật liệu, bao bì	18.899.942	2.937.347
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	37.013.149	71.913.199
Chi phí hoa hồng	4.269.856.180	4.622.535.502
Chi phí vận chuyển	27.219.422.805	25.469.626.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.627.813.594	8.130.911.227
Các chi phí khác	399.677.003	451.070.974
Cộng	<u>41.087.561.684</u>	<u>39.494.484.154</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	8.932.769.628	7.782.502.935
Chi phí vật liệu quản lý	461.398.592	687.303.880
Chi phí đồ dùng văn phòng	180.916.591	390.878.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.085.945	209.902.771
Thuế, phí và lệ phí	1.503.718.496	1.674.492.478
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	5.679.183.662	20.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.100.765	566.888.739
Chi phí tiếp khách	461.547.038	438.332.972
Chi phí bằng tiền khác	1.664.760.699	666.959.727
Cộng	<u>19.632.481.416</u>	<u>32.417.262.462</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Thu cho thuê	-	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Thu nhập từ hàng khuyến mãi	-	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	247.272.727	240.932.727
Thu bồi thường	-	4.000.000.000
Thu nhập khác	731.666.529	949.364.411
Cộng	<u>978.939.256</u>	<u>5.447.206.228</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	20.501.250	20.501.250
Chi phí công cụ dụng cụ không sử dụng	444.565.964	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.326.621.190	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	-
Chi phí chậm nộp quyền sử dụng đất	9.358.472.055	-
Chi phí khác	325.825.867	367.661.738
Cộng	<u>11.475.986.326</u>	<u>388.162.988</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.235.004.855.671	1.169.931.681.181
Chi phí nhân công	50.231.988.697	47.699.516.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.892.977.438	10.968.444.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.133.193.144	67.619.553.458
Chi phí khác	10.112.208.947	23.810.107.154
Cộng	<u>1.457.375.223.897</u>	<u>1.320.029.303.199</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Doãn Tới		
<i>Công ty đi vay</i>	28.526.700.000	81.215.000.000
<i>Công ty chia cổ tức</i>	26.955.000.000	26.955.000.000
Bà Dương Thị Kim Hương		
<i>Công ty đi vay</i>	105.500.000.000	-
Ông Doãn Chí Thanh		
<i>Tạm ứng</i>	210.000.000	212.200.000
<i>Công ty chia cổ tức</i>	8.100.000.000	7.612.188.300
Ông Đỗ Lập Nghiệp		
<i>Tạm ứng</i>	20.000.000	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thiên		
<i>Tạm ứng</i>	85.670.000	-
<i>Công ty chia cổ tức</i>	8.100.000.000	7.612.188.300

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng 137.415 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 161.163 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Ông Doãn Chí Thiên dùng 1.627.819 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Ông Doãn Chí Thanh dùng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
<i>Công ty đi vay</i>	12.615.000.000	112.706.963.881
<i>Bán thành phẩm, bao bì, vật tư</i>	40.638.034	3.110.400.000
<i>Cho vay</i>		1.868.000.000
<i>Lãi cho vay</i>	-	75.044.736
<i>Chi phí gia công</i>	-	67.370.331
<i>Mua nguyên vật liệu</i>	68.502.564	30.745.900
<i>Thu hộ</i>	3.728.034	1.476.627
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
<i>Công ty cho vay</i>	-	850.000.000

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Ngoài ra, Công ty thế chấp một số quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 38.018.688.862VND (số đầu năm là 0 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Xuất khẩu	625.967.973.253	566.359.950.637
Trong nước	75.454.052.839	139.423.802.308
Cộng	<u>701.422.026.092</u>	<u>705.783.752.945</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>				
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	67.821.062.000	(67.821.062.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	67.821.062.000	(67.821.062.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	451.586.302.279	229.885.707.859	681.472.010.138
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	67.821.062.000	67.821.062.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	14.345.343.262	162.051.034.295	176.396.377.557
Tài sản thiếu chờ xử lý	138	-	13.611.564	13.611.564

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Tài sản ngắn hạn khác	150	195.174.530.925	(162.064.645.859)	33.109.885.066
Tài sản ngắn hạn khác	155	162.064.645.859	(162.064.645.859)	-
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	7.028.848.533	7.028.848.533
Phải thu dài hạn khác	216	-	7.028.848.533	7.028.848.533
Tài sản dài hạn khác	260	69.139.738.902	(7.028.848.533)	62.110.890.369
Tài sản dài hạn khác	268	7.028.848.533	(7.028.848.533)	-

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Việc áp dụng Chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các cá nhân liên quan vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4e về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.254.167.677	-	-	-	6.254.167.677
Phải thu khách hàng	256.190.251.901	-	-	38.872.008.872	295.062.260.773
Các khoản cho vay	62.612.005.000	-	-	-	62.612.005.000
Các khoản phải thu khác	69.662.585.033	-	-	244.996.212	69.907.581.245
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	184.021.000.000	-	-	31.304.000.000	215.325.000.000
Cộng	578.740.009.611	-	-	70.421.005.084	649.161.014.695
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.981.177.965	-	-	-	5.981.177.965
Phải thu khách hàng	324.665.880.422	-	-	106.094.616.505	430.760.496.927
Các khoản cho vay	67.321.062.000	-	-	500.000.000	67.821.062.000
Các khoản phải thu khác	173.571.190.671	-	-	1.224.311.876	174.795.502.547
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	189.719.000.000	-	-	31.304.000.000	221.023.000.000
Cộng	761.258.311.058	-	-	139.122.928.381	900.381.239.439

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	1.339.531.134.936	278.072.428.889	-	1.617.603.563.825
Phải trả người bán	214.701.745.534	-	-	214.701.745.534
Các khoản phải trả khác	71.636.814.177	-	-	71.636.814.177
Cộng	1.625.869.694.647	278.072.428.889	-	1.903.942.123.536
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.350.935.564.358	105.300.309.287	-	1.456.235.873.645
Phải trả người bán	352.107.800.833	-	-	352.107.800.833
Các khoản phải trả khác	37.712.192.295	-	-	37.712.192.295
Cộng	1.740.755.557.486	105.300.309.287	-	1.846.055.866.773

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 9 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.804,71	2.475,50	-	223.303,10	2.489,11	-
Phải thu khách hàng	12.548.166,02	40.072,95	1.018.199,67	17.832.301,75	-	987.261,20
Các khoản phải thu khác	280.998,60	-	-	206.272,94	-	-
Vay và nợ	(16.026.198,07)	-	-	(31.661.169,17)	-	-
Phải trả người bán	(2.246,99)	-	-	(7.785.995,11)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(2.989.475,73)	42.548,45	1.018.199,67	(21.185.286,49)	2.489,11	987.261,20

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phần vốn góp tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang

Công ty thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4e. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.254.167.677	5.981.177.965	6.254.167.677	5.981.177.965
Phải thu khách hàng	295.062.260.773	430.760.496.927	267.220.243.321	343.588.266.238
Các khoản cho vay	62.612.005.000	67.821.062.000	62.112.005.000	67.821.062.000
Các khoản phải thu khác	69.907.581.245	174.795.502.547	69.742.458.897	173.939.426.154
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	215.325.000.000	221.023.000.000	196.904.079.245	207.888.163.696
Cộng	649.161.014.695	900.381.239.439	602.232.954.140	799.218.096.053
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.617.603.563.825	1.456.235.873.645	1.617.603.563.825	1.456.235.873.645
Phải trả người bán	214.701.745.534	352.107.800.833	214.701.745.534	352.107.800.833
Các khoản phải trả khác	71.636.814.177	37.712.192.295	71.636.814.177	37.712.192.295
Cộng	1.903.942.123.536	1.846.055.866.773	1.903.942.123.536	1.846.055.866.773

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

An Giang, ngày 12 tháng 11 năm 2015



Người lập biểu



The stamp is circular with a red border. Inside, it contains the text: 'M.S.D.N. 160016336-C.C.P.' around the top edge, 'CÔNG TY CP NAM VIỆT' in the center, and 'TP. LONG XUYỀN - T. AN GIANG' around the bottom edge.

Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CẢO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu qui	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	58,304,490,154	1,302,852,319,406
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	30,970,485,771	30,970,485,771
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6,000,000,000)	(6,000,000,000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
Số dư cuối kỳ trước	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	24,230,250,925	1,268,778,080,177
Số dư đầu năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	61,766,524,375	1,306,314,353,627
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	27,526,509,033	27,526,509,033
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
Số dư cuối kỳ này	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	30,248,308,408	1,274,796,137,660

Áo Xương, ngày 12 tháng 11 năm 2015



Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhật

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2412.../CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 12 tháng 11 năm 2015

Trích yếu: "Giải trình biên động lợi nhuận
Công ty mẹ quý III/2015 so cùng kỳ"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ như sau:

- Lợi nhuận trước thuế quý III/2015: 10.769.667.004 đồng

- Lợi nhuận trước thuế quý III/2014: 25.189.209.910 đồng

Giảm 14.419.542.906 đồng tương đương giảm 57%.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Doanh thu thuần và thu nhập khác quý III/2015 giảm tương ứng 0,62% và 82% so với quý III/2014.

- Chi phí tài chính và chi phí khác quý III/2015 so với cùng kỳ tăng lần lượt là 117% và 2.856%.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên

- Ban TGD

- Lưu VT

K. T. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật